| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ KINH MÔN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 64/2024/HS-ST
Ngày: 15/8/2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Khánh

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Nguyễn Chí Dựng

2. Ông Nguyễn Văn Xô

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:*** Bà Quách Thị Nên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa tại trụ sở để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63a/2024/QĐXXST-HS ngày 29/7/2024 đối với bị cáo:

1.Bị cáo **Trần Quang T**, sinh năm 1986, nơi cư trú: KDC B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Duy B (đã chết) và bà Phạm Thị T1. Bị cáo có vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2023, đến ngày 02/01/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

2. Bị cáo **Ngô Đức K**, sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ dân phố T - phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Tuấn C và bà Mai Thị N. Bị cáo có vợ là Lê Thị Ánh H1 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2023, đến ngày 02/01/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

3. Bị cáo **Bùi Văn H2**, sinh năm 1986, nơi cư trú: KDC T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N1 (Đã chết) và bà Lãnh Thị S. Bị cáo có vợ là Bùi Thị P (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 19/4/2014, Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc" phạt 1.500.000 đồng. Ngày 21/4/2014. H2 đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp phạt

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2023, đến ngày 02/01/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

4. Bị cáo **Vũ Văn H3**, sinh năm 1986, nơi cư trú: KDC T, phườngTân Dân, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân V và bà Phạm Thị N2. Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Thúy H4 và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 19/4/2014, Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc", phạt 1.500.000 đồng. Ngày 21/4/2014, H3 đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2023, đến ngày 02/01/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Văn N3, sinh năm 1986, địa chỉ: KDC T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt

2. Chị Lưu Thị Thu O, sinh năm 1987, trú tại: KDC K, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt

**** Người làm chứng***:

1. Anh Vũ Văn T2, sinh năm 1978. Vắng mặt

2. Chị Lò Thị L, sinh năm 2004. Vắng mặt

3. Chị Lò Thị V1, sinh năm 1989. Vắng mặt

4. Chị Lò Thị H5, sinh năm 2001. Vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 19 giờ ngày 24/12/2023, tại quán K1 ở khu dân cư T, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương, Ngô Đức K, Trần Quang T, Bùi Văn H2, Vũ Văn H3 và Vũ Văn T2, sinh năm 1978, trú tại: H, K, Hải Dương ngồi uống rượu cùng nhau. Sau đó T2 lên phòng hát số 05 hát với bạn. Còn K, T, H2, H3 rủ nhau hát Karaoke. T gặp Lưu Thị Thu O là quản lý quán thuê phòng số 4 hát Karaoke và nhân viên phục vụ rót bia, bấm bài. Khoảng 20 giờ cùng ngày thì T bảo hôm nay là sinh nhật của T, mọi người cùng góp tiền mua ma tuý tổng hợp về cùng sử dụng. K, H2, H3 đồng ý. 04 người

thống nhất lấy 03 viên ma tuý (gọi là "kẹo") và 02 chỉ ma tuý (gọi là "ke" kim tuyến), K tính số tiền hết là 4.400.000 đồng, H3 bảo chia đều cho 04 người, mỗi người 1.100.000 đồng đưa cho K đi mua ma tuý. Do H3 không mang theo tiền nên hỏi vay của H2 1.100.000 đồng, H2 đồng ý và chuyển khoản cho K 2.200.000 đồng; T chuyển khoản cho K 1.100.000 đồng. Sau đó K gọi điện đến số điện thoại 0976.168.569 của Trương Công Đ, sinh năm 2003, trú tại: phường P, thị xã K, hỏi mua 03 viên ma túy "kẹo", 02 chỉ ma túy "Ke" kim tuyến; người này đồng ý và thống nhất giá bán là 400.000 đồng/01 viên ma tuý "kẹo"; 1.600.000 đồng 01 chỉ ma tuý "ke" kim tuyến, còn "ke" thường là 1.200.000 đồng/01 chỉ; nếu có ma tuý "ke" kim tuyến sẽ mang đến còn không thì dùng "Ke" thường và hẹn giao ma tuý ở khu vực trước cửa quán K1, Đ lấy thêm 50.000 đồng tiền công. Sau đó Đ nhắn tin số tài khoản tại ngân hàng V2 mang tên TRUONG CONG DINH cho K. Do không có ma tuý "ke" kim tuyến nên K sử dụng điện thoại chuyển khoản số tiền 3.650.000đồng vào tài khoản của Đ theo giá mua ma túy "Ke" thường. Sau đó có 02 nhân viên vào phòng là Lò Thị V1, sinh năm 1989, trú tại: M, M, Điện Biên và Lò Thị L, sinh năm 2004, trú tại: T, T, Lai Châu để phục vụ rót bia, bấm bài. Một lúc sau thì K nhận được điện thoại của Đ, K đi xuống khu vực cửa quán K1 gặp Đ, Đ vứt một gói giấy ăn màu trắng xuống chân K rồi bỏ đi. K hiểu là gói ma tuý nên nhặt lên cầm vào phòng hát số 04. Khi vào phòng thì gặp O là quản lý quán nói mọi người chuyển sang phòng hát số 05 để nhóm khách khác vào phòng số 04 (trước đó T2 đã thanh toán trả xong tiền phòng hát số 05). Mọi người đồng ý chuyển sang phòng hát số 5. Khi vào phòng thì gặp T2 và nhân viên của quán là Lò Thị H5, sinh năm 2001, trú tại: T, T, Lai Châu đang hát ở phía trên khu vực sân khấu, nên cả nhóm xuống khu vực bàn phía dưới để ngồi. Lúc này K đưa số ma túy vừa mua được cho T. T lấy 03 viên ma túy "Kẹo" chia nhỏ ra; T sử dụng ½ viên và mời K, H3, L, H2 sử dụng. Huân mời V1 sử dụng ½ viên. Lúc này H3 đi xuống tầng 1 của quán gặp Nguyễn Văn N3, sinh năm 1986, trú tại: T, K, Hải Dương, H3 rủ N3 vào phòng số 5 hát. N3 đồng ý đi theo H3 vào phòng hát số 5 ngồi cạnh H2 thì H2 hỏi mượn thẻ ATM của N3 (N3 không biết H2 dùng làm gì nhưng vẫn lấy cho H2 mượn thẻ ATM, rồi N3 do uống rượu say từ trước nên nằm trên ghế ngủ. Sau đó H2 đưa cho T thẻ ATM mượn của N3, H3 đưa cho T tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng để quấn ống hút. Tuân quấn tờ tiền thành ống hút, rồi lấy 02 vỏ đầu lọc thuốc lá để cố định ống hút. T đổ 01 túi nilon chứa ma túy "Ke" ra đĩa sứ và sử dụng thẻ ATM để xào, kẻ ma túy thành từng đường nhỏ. Sau đó T bê đĩa đi mời K, H2, H3, H5, V1, L sử dụng bằng hình thức hít ma tuý qua đường mũi vào cơ thể. Sau đó T đánh thức N3 dậy và mời N3 sử dụng ma tuý, N3 đồng ý sử dụng; rồi T để đĩa sứ có ma tuý và ống hút trên mặt bàn. Lúc này Vũ Văn T2 hát trên bục đi xuống thấy trên mặt bàn có đĩa ma túy và ống hút nên tự cầm lấy để sử dụng.

Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày thì tổ công tác thuộc Công an thị xã K phối hợp cùng Công an phường H kiểm tra phòng hát số 5 phát hiện. Thu giữ trên mặt bàn 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng bên trong đĩa có chất bột dạng tinh thể màu trắng (cho lượng chất bột dạng tinh thể màu trắng vào 01 túi nilon rồi cho vào phong bì niêm phong ký hiệu M1), 01 thẻ nhựa màu xanh loại thẻ ATM V3 in tên "NGUYEN VAN NAM", 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng, 01 vỏ túi nilon kích thước (2x2)cm (cho đĩa sứ, ống hút, thẻ nhựa và vỏ túi nilon vào thùng bìa catton niêm phong ký hiệu M2); Thu giữ trên ghế sát bên tay phải

vị trí T đang ngồi 01 túi nilon kích thước (2x2)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (niêm phong ký hiệu M3). Thu giữ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen trắng, kèm sim của Ngô Đức K; 01 điện thoại Samsung Galaxy Note 10+, kèm sim của Trần Quang T; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone loại 8 Plus màu đen trắng, kèm sim của Bùi Văn H2. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng.

Tại kết quả kiểm tra test thử chất ma túy do Trung tâm y tế thị xã K, cho kết quả: Ngô Đức K, Trần Quang T, Bùi Văn H2, Vũ Văn H3, Nguyễn Văn N3, Vũ Văn T2, Lò Thị V1, Lò Thị L, Lò Thị H5 đều dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine; Lưu Thị Thu O âm tính với chất ma túy, không sử dụng ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 45 ngày 25/12/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh H: Chất bột màu trắng trong túi nilon màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1, gửi đến giám định khối lượng là: 0,071g là ma túy loại Ketamine; Chất bột bám dính trên bề mặt đĩa sứ, thẻ ATM, trong lòng ống hút bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, trong túi nilon màu trắng, viền khoá màu xanh, được niêm phong trong hộp bìa catton ký hiệu M2, gửi đến giám định, là ma túy loại Ketamine; lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng.Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong túi nilon màu trắng, viền khóa màu xanh được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3, gửi đến giám định khối lượng là: 0,717g là ma túy loại Ketamine.

Tại Bản cáo trạng số 40/CT - VKS ngày 31/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn đã truy tố các bị cáo Trần Quang T, Ngô Đức K, Bùi Văn H2, Vũ Văn H3 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

***Tại phiên tòa hôm nay:***

- Bị cáo Ngô Đức K, Trần Quang T, Bùi Văn H2, Vũ Văn H3 khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

- Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn giữ nguyên quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị HĐXX:

**- *Về tội danh*:** Bị cáo Trần Quang T, Ngô Đức K, Bùi Văn H2, Vũ Văn H3 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

**- *Đề nghị áp dụng*:** điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38, 17, 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS, riêng bị cáo T được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của BLHS: điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Xử phạt bị cáo Trần Quang T từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 24/12/2023.

+ Xử phạt Ngô Đức K từ 7 năm 06 tháng đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 24/12/2023.

+ Xử phạt các bị cáo Bùi Văn H2, Vũ Văn H3 từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 24/12/2023.

**- Về hình phạt bổ sung**: Không áp dụng

Ngoài ra VKS còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí đối với các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau*

*[1] Về hành vi, quyết định tố tụng*: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thị xã K; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:*Tại phiên tòa các bị cáo Trần Quang T, Ngô Đức K, Bùi Văn H2 và Vũ Văn H3 thừa nhận hành vi bàn bạc cùng nhau mỗi người bỏ ra 1.100.000đồng để mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Bị cáo T thừa nhận do là ngày sinh nhật của bị cáo, bị cáo có hành vi đề xuất, rủ K, H2 và H3 góp tiền mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Bị cáo K thừa nhận là người trực tiếp liên hệ, là người trực tiếp mua và trả số tiền 3.650.000đồng cho Trương Công Đ, sinh năm 2003, trú tại: Khu F, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương để mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Các bị cáo còn khai nhận, số ma túy thu giữ trên đĩa ở trên bàn và lượng ma túy thu ở trên ghế là ma túy các bị cáo đang sử dụng thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ cùng tang vật.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng. Phù hợp với kết quả kiểm tra test thử chất ma túy của các bị cáo cũng như tang vật chứng được thu giữ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 20 giờ ngày 24/12/2023, tại phòng hát số 5 quán K1 quê thuộc khu dân cư T, H, K, Hải Dương. Trần Quang T, Ngô Đức K, Bùi Văn H2, Vũ Văn H3 có hành vi chung tiền mua chất ma tuý loại Ketamine, MDMA, chuẩn bị địa điểm, dụng

cụ sử dụng chất ma tuý cùng nhau sử dụng và cung cấp ma túy cho Lò Thị V1, Lò Thị L, Lò Thị H5, Nguyễn Văn N3, Vũ Văn T2 sử dụng. Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày thì bị tổ công tác thuộc Công an thị xã K kiểm tra phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi chung tiền mua chất ma túy của các bị cáo Trần Quang T, Ngô Đức K, Bùi Văn H2, Vũ Văn H3 để sử dụng trái phép và hành vi cung cấp ma túy cho Lò Thị V1, Lò Thị L, Lò Thị H5, Nguyễn Văn N3, Vũ Văn T2 để sử dụng đã cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Trong vụ án này các bị cáo cung cấp ma túy, tổ chức sử dụng từ "02 người trở lên" thuộc tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

*[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:*Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội. Ma túy là chất gây nghiện, khi sử dụng không những gây tác hại cho sức khoẻ, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm và các tệ nạn xã hội khác. Song do muốn thỏa mãn nhu cầu của bản thân, nên các bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Đây là vụ án đồng phạm trong đó: Bị cáo T là người đề xuất, rủ mọi người góp tiền mua ma túy về cùng nhau sử dụng, trực tiếp chia ma túy "Kẹo" thành các phần nhỏ, trực tiếp xào "Ke" mời K, H2, H3, H5, V1, L sử dụng nên bị cáo là người giữ vài trò chính trong vụ án. Bị cáo K là người trực tiếp tìm nguồn mua ma túy, trực tiếp liên hệ và trả tiền mua ma túy nên bị cáo giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo H2, bị cáo H3 là đồng phạm với vai trò giúp sức, trong đó bị cáo H2 là người cho K vay tiền mua ma túy nên bị cáo có vai trò cao hơn bị cáo H3. Do vậy, khi quyết định hình phạt cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi của các bị cáo thực hiện mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

*[4]Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.
- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo nên xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa người thân của bị cáo T có cung cấp tài liêu thể hiện bị cáo T có tham gia đóng góp ủng hộ quỹ khuyến học của địa phương thể hiện sự tích cực của bị cáo trong việc chấp hành pháp luật nơi cư trú nên cũng xem xét áp dụng tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

*[5] Hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015 các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

*[6] Xử lý vật chứng:*

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K quản lý:

- Đối với 01 thẻ nhựa màu xanh loại thẻ ATM V3 in tên "NGUYEN VAN NAM". Kết quả điều tra xác định, khi anh N3 cho H2 mượn thẻ ATM, anh N3 không biết việc các đối tượng sử dụng thẻ vào việc sử dụng ma túy. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh N3 không đề nghị xin lại thẻ ATM. Đối với 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng là công cụ các đối tượng sử dụng ma túy, quá trình điều tra xác định chiếc đĩa các đối tượng lấy tại bàn của quán Karaoke do Lưu Thị Thu O làm quản lý. Quá trình điều tra, O không có ý kiến hay đề nghị gì về chiếc đĩa đã thu giữ. Xác định đây là công cụ, phương tiện các đối tượng sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

- Đối 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng, các đối tượng sử dụng hút ma túy. Xác định đây là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen trắng thu của Ngô Đức K; 01 điện thoại Samsung Galaxy Note $10^+$ thu giữ của Trần Quang T; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone loại 8 Plus màu đen trắng thu giữ của Bùi Văn H2 các bị cáo sử dụng những điện thoại này vào việc liên hệ, chuyển tiền mua ma túy, đây là tài sản cá nhân của các bị cáo nên cần tịch thu cho phát mại để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 Sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại Iphone 7 Plus thu giữ của Ngô Đức K; 01 Sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại S1 Galaxy Note $10^+$ thu giữ của Trần Quang T; 01 Sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại Iphone loại 8 Plus thu giữ của Bùi Văn H2; 02 vỏ đầu lọc thuốc lá Thăng Long đỏ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; 01 vỏ hộp bìa catton (*đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định*) xác định không có giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy.

- Đối với số ma túy thu giữ trong vụ án, mẫu hoàn lại sau giám định được niêm phong trong 02 phong bì gồm:

+ 0,043g ma túy loại Ketamine; 01 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì ký hiệu M1 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1) và 0,632g ma túy loại Katamine; 01 vỏ túi nilon màu trắng, viên khóa màu xanh và 01 vỏ phong bì ký hiệu M3 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định (được

niêm phong trong hộp phong bì ký hiệu T3), xác định đây là vật chứng thuộc Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

+ Đối với số tiền góp 4.400.000đồng, các bị cáo đã thống nhất góp 1.100.000đồngđể mua ma túy. Bị cáo H2, K, H3 đã chuyển cho K đủ số tiền 1.100.000đồng để mua ma túy. Tuy nhiên, K chỉ sử dụng 3.650.000đồng để mua ma túy. Số tiền còn lại là 750.000 đồng, hiện bị cáo K đang quản lý. Do vậy cần truy thu của bị cáo K số tiền này để sung vào công quỹ Nhà nước.

*7. Về án phí:*Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với người bán ma túy cho Ngô Đức K. Kết quả điều tra xác định chủ thuê bao số điện thoại 0976.168.569 và chủ tài khoản số 0976168569 của Ngân hàng V3 là của Trương Công Đ, sinh năm 2003, địa chỉ: Khu F, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Ngày 29/5/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trương Công Đ về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự và được xem xét, giải quyết trong một vụ khác nên không đặt ra xem xét giải quyết, trong vụ án.

Đối với Lưu Thị Thu O là quản lý quán quán K1. Quá trình điều tra, xác định chị O không biết T và những người khác sử dụng chất ma tuý tại phòng hát số 5. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K không đặt ra xem xét xử lý đối với O là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn N3 khi Bùi Văn H2 hỏi mượn thẻ ATM để các đối tượng sử dụng vào việc phạm tội. Kết quả điều tra xác định, khi anh N3 cho H2 mượn thẻ ATM anh N3 không biết việc các đối tượng sử dụng thẻ vào việc sử dụng ma túy. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K không xử lý đối với N3.

Đối với Lò Thị V1, Lò Thị L, Lò Thị H5, Vũ Văn T2 không tham gia bàn bạc việc chung tiền mua ma túy và chuẩn bị công cụ, địa điểm để sử dụng ma túy. Kết quả quá trình điều tra, xác định V1, L, H5, T2 chỉ sử dụng ma túy nên hành vi của V1, L, H5, T2 không đồng phạm với T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý". Công an thị xã K đã báo cáo Chủ tịch UBND thị xã K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

Vì lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào*: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng bị cáo T được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- *Căn cứ vào*: điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Căn cứ vào:* Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Căn cứ: Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- *Tuyên bố:* Các bị cáo Trần Quang T, Ngô Đức K, Bùi Văn H2, Vũ Văn H3 phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".*

- *Về hình phạt chính*:

1. Xử phạt bị cáo Trần Quang T 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 24/12/2023.

2. Xử phạt bị cáo Ngô Đức K 07 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 24/12/2023.

3. Xử phạt bị cáo Bùi Văn H2 07 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 24/12/2023.

4. Xử phạt bị cáo Vũ Văn H3 07 năm 05 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 24/12/2023.

- *Xử lý vật chứng*:

+ Tịch thu cho tiêu hủy mẫu ma túy hoàn lại sau giám định được niêm phong trong 02 phong bì gồm: 01 phong bì niêm phong ký hiệu T1 bên trong chứa 0,043g ma túy loại Ketamine; 01 vỏ túi nilon màu trắng; 01 vỏ phong bì ký hiệu M1 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định và 01 phong bì niêm phong ký hiệu T3 bên trong có chứa 0,632g ma túy loại Katamine; 01 vỏ túi nilon màu trắng, viên khóa màu xanh và 01 vỏ phong bì ký hiệu M3 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định.

+ Tịch thu 01 tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu cho phát mại 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus thu giữ của Ngô Đức K; 01 điện thoại Samsung Galaxy Note $10^{+}$ thu giữ của Trần Quang T; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone loại 8 Plus thu giữ của Bùi Văn H2 để sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu cho tiêu hủy 01 sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại Iphone 7 Plus thu giữ của Ngô Đức K; 01 sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại S1 Galaxy Note $10^{+}$ thu giữ của Trần Quang T; 01 sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại Iphone loại 8 Plus thu giữ của Bùi Văn H2; 02 vỏ đầu lọc thuốc lá Thăng Long; 01 vỏ hộp bìa catton (*đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định*); 01 thẻ ATM V3 in tên "NGUYEN VAN NAM" của Nguyễn Văn N3; 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng.

+ Truy thu của bị cáo Ngô Đức K số tiền 750.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

*(Số lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/8/2024 giữa Công an thị xã K và Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn).*

- *Án phí:* Các bị cáo Trần Quang T, Ngô Đức K, Bùi Văn H2, Vũ Văn H3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- *Quyền kháng cáo:*Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản bán được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
*- VKSND thị xã Kinh Môn;*
*- Cơ quan điều tra CA thị xã Kinh Môn;*
*- THA hình sự công an thị xã Kinh Môn;*
*- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;*
*- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh HD;*
*- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;*
*- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;*
*- Bị cáo; Người có QL, NV liên quan;*
*- Lưu hồ sơ;*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Khánh**